

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14 /2020/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 28 tháng 9 năm 2020

## NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung và kéo dài thời gian thực hiện,  
giải ngân Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước  
tỉnh Bến Tre năm 2019 sang năm 2020

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 17 (KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19;*

*Xét Tờ trình số 4661/TTr-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách tỉnh Bến Tre năm 2019 sang năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung và kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2019 sang năm 2020 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 về Kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2019 và Nghị quyết số 02/2019/NQ-

HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2019, tổng số vốn điều chỉnh là 159.090 triệu đồng (tăng/giảm là 78.187 triệu đồng) với những nội dung cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung

a) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND, nhưng có bổ sung danh mục và kế hoạch vốn của một số dự án cho phù hợp với tình hình thực tế.

b) Việc điều chỉnh tăng, giảm mức vốn phân bổ cho từng dự án không làm thay đổi tổng các nguồn vốn đã được phân bổ.

2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung

a) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020: Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn của 05 dự án với tổng số vốn 13.404 triệu đồng (tăng 398 triệu đồng, giảm 2.816 triệu đồng).

b) Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất (Đầu tư phát triển quỹ đất và đo đạc bản đồ địa chính): Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 01 dự án với số vốn giảm là 574 triệu đồng.

c) Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết các năm trước chuyển sang: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 01 dự án với số vốn giảm là 16.200 triệu đồng.

d) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết:

- Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn của 29 danh mục dự án; trong đó, bổ sung 01 danh mục dự án, bổ sung kế hoạch vốn cho 02 dự án; tổng số vốn điều chỉnh, bổ sung là 60.635 triệu đồng (tăng 12.600 triệu đồng, giảm 58.597 triệu đồng).

- Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Điều chỉnh kế hoạch vốn của 26 danh mục dự án; trong đó, bổ sung 02 danh mục dự án với tổng số vốn điều chỉnh, bổ sung là 15.429 triệu đồng; trong đó, tăng/giảm là 5.992 triệu đồng.

- Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết thực hiện Đề án giao thông nông thôn (Đề án 3333): Điều chỉnh kế hoạch vốn của 20 danh mục dự án; trong đó, bổ sung 03 danh mục dự án với tổng số vốn điều chỉnh, bổ sung là 5.957 triệu đồng; trong đó, tăng/giảm là 2.709 triệu đồng.

đ) Điều chỉnh, bổ sung tăng kế hoạch vốn từ các nguồn vốn cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg; vốn từ nguồn thu sử dụng đất; vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết; vốn từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết các năm trước chuyển sang) cho 01 dự án với tổng số vốn điều chỉnh, bổ sung là 85.051 triệu đồng; trong đó tăng 65.189 triệu đồng.

(Chi tiết điều chỉnh, bổ sung theo Phụ lục I, II, III đính kèm).

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

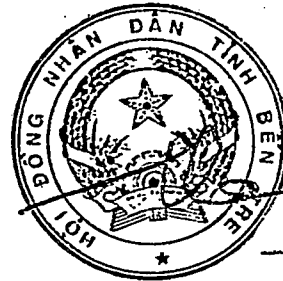
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, Kỳ họp thứ 17 (Kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 28 tháng 9 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2020./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước KV IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Tư pháp, Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Văn phòng: HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh, Trung tâm TTĐT;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



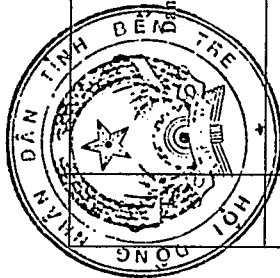
**Phan Văn Mãi**



## PHỤ LỤC 1

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019 KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2020 NGUỒN VỐN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

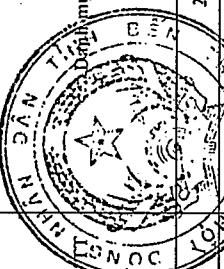
(Kèm theo Nghị quyết số **14** /2020/NQ-HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)



Đơn vị: Triệu đồng

	Định mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019	Giải ngân KH vốn năm 2019 đến hết 31/01/2020	Số vốn kéo dài thời gian giải ngân KH vốn năm 2019 sang năm 2020	Dự kiến số liệu giải ngân kế hoạch vốn kéo dài đến 31/8/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2020			Chị chú
						Tổng số	Trong đó:		
							Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>323.823</b>	<b>164.733</b>	<b>159.090</b>	<b>74.039</b>	<b>159.090</b>	<b>78.187</b>	<b>78.187</b>	
A	Điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	39.015	23.193	15.822	13.404	13.404	398	2.816	
1	Trụ sở Hải đội 2 Biên phòng	18.900	10.784	8.116	7.560	7.560		556	
2	Trạm biên phòng Bến Đầm/Đồn biên phòng Cổ Chiên	5.000	5.000		398	398	398		Bổ sung vốn để thanh quyết toán công trình
3	Ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre	13.500	6.637	6.863	5.446	5.446		1.417	
4	Xây dựng CSHT Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Phú Thuận	1.115	772	343				343	
5	Trường THCS Thị trấn Ba Tri	500		500				500	
B	Điều chỉnh vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất (Đầu tư phát triển quỹ đất và đo đạc bản đồ địa chính)	6.800	6.226	574				574	
1	Hỗ trợ chi phí GPMB dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang nhân dân xã Phú Thuận, huyện Bình Đại	6.800	6.226	574				574	
C	Điều chỉnh vốn đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết các năm trước chuyển sang	16.200		16.200				16.200	
1	Cấp nước sinh hoạt cho dân cư khu vực Cù Lao Minh trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng (giai đoạn I)	16.200		16.200				16.200	

TT	Tên dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019	Giải ngân KH vốn năm 2019 đến hết 31/01/2020	Số vốn kéo dài thời gian giải ngân KH vốn năm 2019 sang năm 2020	Dự kiến số hiệu giải ngân kế hoạch vốn kéo dài đến 31/8/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2020				Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			
							Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
D	Điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	238.202	131.570	106.632	60.635	60.635	12.600	58.597		
1	Hệ thống thủy lợi Nam Bến Tre				6.200	6.200	6.200			Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để đối ứng GPMB
2	Dự án Tôn tạo, trùng tu và mở rộng tương đài chiến thắng Lộ Thợ	2.000		2.000				2.000		
3	Hồ bơi tỉnh Bến Tre	2.800	503	2.297	525	525		1.772		
4	Dự án Tăng cường trang thiết bị y tế phục vụ chẩn đoán hình ảnh và điều trị Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	5.000	4.317	683	150	150		533		
5	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Bến Tre	24.000	5.734	18.266	5.266	5.266		13.000		
6	Bệnh viện Đa khoa Hàm Long	8.700	4.865	3.835	3.315	3.315		520		
7	Trường THPT Long Thới, huyện Chợ Lách	17.000	12.534	4.466	3.866	3.866		600		
8	Trường THCS Sơn Phú, huyện Giồng Trôm	9.000	4.381	4.619	1.619	1.619		3.000		
9	Trường THCS thành phố Bến Tre	35.550	11.190	24.360	10.650	10.650		13.710		
10	Trường Mầm non Hòa Mĩ TPBT	9.000	540	8.460	68	68		8.392		
11	Trường THCS Sơn Đông	11.000	8.344	2.656	1.100	1.100		1.556		
12	Trường MN Trúc Giang	5.000	4.831	169	40	40		129		
13	Trường TH Hương Mỹ 2	10.000	389	9.611	5.142	5.142		4.469		
14	Trường Mầm non Tân Trung	3.205	2.605	600	507	507		93		

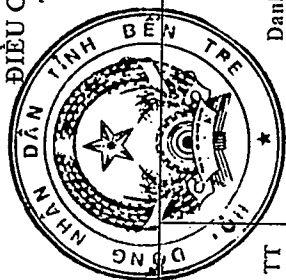
	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019	Giải ngân KH vốn năm 2019 đến hết 31/01/2020	Số vốn kéo dài thời gian giải ngân KH vốn năm 2019 sang năm 2020	Dự kiến số hiệu giải ngân kế hoạch vốn kéo dài đến 31/8/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:		
						Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
 2	3	4	5	6	7	8	9	10
15 Trường THCS Phan Trung	2.000	1.955	45					
16 Trường Mẫu giáo Phú Túc	7.747	2.374	5.373	5.199	5.199		174	
17 Đường vào Trung tâm xã Trường Đa	4.800	3.694	1.106				1.106	
18 Nâng cấp, cải tạo đường liên xã Phước Mỹ Trung - Thành An, huyện MCB	5.000	2.042	2.958	2.262	2.262		696	
19 Trường mẫu giáo Hòa Lộc, huyện MCB	12.000	11.398	602	374	374		228	
20 Trường Tiểu học Thành An, huyện MCB	6.500	5.711	789	434	434		355	
21 Trường Mầm non Tân Thanh Tây, huyện MCB	6.100	5.787	313	48	48		265	
22 Trường TH Tân Thiềng A	14.000	9.593	4.407	3.071	3.071		1.336	
23 Trường THCS Long Thới	1.500	1.114	386	39	39		347	
24 Trường TH Vĩnh Thành B	5.500	3.194	2.306	649	649		1.657	
25 Trường MG Thới Thuận	5.400	4.126	1.274	54	54		1.220	
26 Trường TH Thới Thuận	4.000	3.547	453	46	46		407	
27 Trường THCS Đỗ Hữu Phương	11.800	7.870	3.930	3.094	3.094		836	
28 Xây dựng kết hợp cải tạo, sửa chữa CSVC Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, Giáo dục thường xuyên huyện Bình Đại	3.600	2.932	668	517	517		151	
29 Trường THCS An Qui	6.000	6.000		6.400	6.400	6.400		Bổ sung vốn để thanh quyết toán công trình

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019	Giải ngân KH vốn năm 2019 đến hết 31/01/2020	Số vốn kéo dài thời gian giải ngân KH vốn năm 2019 sang năm 2020	Dự kiến số hiệu giải ngân kế hoạch vốn kéo dài đến 31/8/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2020			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:	Điều chỉnh tăng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
E	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn từ các nguồn vốn đầu tư trong cần đối theo tiêu chí, định mức; vốn từ nguồn thu sử dụng đất; vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết; vốn từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết các năm trước chuyển sang	23.606	3.744	19.862		85.051	65.189		
1	CSHT Khu công nghiệp Phú Thuận	23.606	3.744	19.862		85.051	65.189		Bổ sung tăng từ nguồn vốn đầu tư trong cần đối theo tiêu chí, định mức 2.418 triệu đồng; vốn từ nguồn thu sử dụng đất 574 triệu đồng; vốn từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết các năm trước chuyển sang 16.200 triệu đồng và vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết 45.997 triệu đồng.

## PHỤ LỤC II

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2020  
TỪ NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số 14 /2020/NQ-HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)



TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019	Giải ngân KH vốn năm 2019 đến hết 31/01/2020	Số vốn kéo dài thời gian giải ngân KH vốn năm 2019 sang năm 2020	Dự kiến giải ngân kế hoạch vốn kéo dài đến 31/8/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2020			Đơn vị: Triệu đồng
						Tổng số	Trong đó:		
							Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>TỔNG CÔNG</b>	63.174	47.745	15.429	9.437	15.429	5.992	5.992	
A	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>	63.174	47.745	15.429	9.437	15.429	5.992	5.992	
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐA 01 (lộ 12, 13 ấp Mỹ An A) đoạn giáp lộ Tiểu dự án đến giáp Lộ Giồng Xoài, xã Mỹ Thạnh An	1.205	1.200	5	5	20	15		
2	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX 01 (Lộ Đồng Cảnh trên) đoạn từ ĐT 884 đến kênh Thương Bình, xã Sơn Đông	1.285	1.239	46	17	17		29	
3	Nâng cấp, cải tạo trụ sở UBND xã cũ thành nhà Văn hóa và 05 phòng chức năng, xã Sơn Đông	1.930	1.917	13	13	27	14		
4	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Bình Phú; Xây dựng mới các phòng chức năng	5.300	4.528	772	515	515		257	
5	Đường ĐX 01 (Đường lộ Bắc, liên xã Thành Triệu - An Hiệp)	19	11	8				8	
6	Đường ĐX 02 (Đường Kênh 3), xã Thành Triệu	1.360	1.335	25	24	24		1	
7	Đường ĐX 04 (Đường Ba Mạo), xã Thành Triệu	1.830	1.734	96	93	93		3	
8	Xây dựng cầu Đò, xã Thành Triệu	2.830	1.838	992	930	930		62	
9	Xây dựng cầu Thành Triệu, xã Thành Triệu	2.430	2.167	263	146	146		117	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019	Giải ngân KH vốn năm 2019 đến hết 31/01/2020	Số vốn kéo dài thời gian giải ngân KH vốn năm 2019 sang năm 2020	Dự kiến giải ngân kế hoạch vốn kéo dài đến 31/8/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2020				Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			
							Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
10	Đường ĐA.01 (Đoạn từ ĐT.883 đến Đường ĐX.02), xã Phú Túc	1.440	1.393	47				47		
11	Đường ĐX.04 (Đoạn từ Sông Tiền đến Sông Ba Lai), xã Phú Túc	2.500	1.753	747				747		
12	Đường ĐA.02 (Đoạn từ giáp Phú Đức - Giáp nhà thờ), xã Phú Túc	7.100	4.074	3.026	2.157	2.157		869		
13	Xây dựng trụ sở UBND xã Phú Túc	3.741	3.532	209	178	178		31		
14	Nâng cấp, mở rộng, xây dựng hệ thống thoát nước, bó vỉa và vỉa hè Đường ĐX.01 (Đường vào trung tâm xã), xã Thời Thuận	2.200	2.118	82				82		
15	Đường ĐX.01 (đoạn từ Vườn Trâm Công - Cầu Lò Rèn xã Vĩnh Thành), xã Tân Thiềng	1.787	1.721	66				66		
16	Đường ĐX.02 (đoạn từ Chợ Cài Sơn - Tân Châu), xã Tân Thiềng	2.000	1.809	191	11	11		180		
17	Đường ĐX.03 (đoạn từ Cầu Tư Thông - cầu Trung ương Đoàn), xã Tân Thiềng	950	618	332				332		
18	Đường ĐX.03 (đoạn từ Huyện lộ 38 - cầu thép không gian), xã Long Thời	1.678	1.313	365	16	16		349		
19	Nâng cấp Đường ĐA.04 (Đoạn từ ĐX.01 đến Đường ĐX.03), xã Thành An	2.033	1.497	536	414	414		122		
20	Đường ĐX.01 (Đoạn từ HL.10 đến cầu Trung ương Đoàn), xã Mỹ Hòa	2.220	2.156	64				64		
21	Đường ĐA.02 (Lộ vành đai Phú Hào), xã Phú Hưng	5.810	2.869	2.941	2.111	2.111		830		
22	Đường ĐA.05 (đoạn từ ĐX.01 đến cầu Xẻo Bấu), xã Mỹ Thành	5.788	2.380	3.408	2.593	2.593		815		

STT	Dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019	Giải ngân KH vốn năm 2019 đến hết 31/01/2020	Số vốn kéo dài thời gian giải ngân KH vốn năm 2019 sang năm 2020	Dự kiến giải ngân kế hoạch vốn kéo dài đến 31/8/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2020			Ghi chú
						Tổng số	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
23	Đường ĐA.06 (đoạn từ Đê cấp sông Hàm Lương đến xã Sơn Đông), xã Mỹ Thành	3.526	2.646	880	170	170		710	
24	Cầu Đình, xã Phú Túc, huyện Châu Thành	2.212	1.897	315	44	44		271	
25	Đường Bờ Kênh xã Vang Quới Tây, huyện Bình Đại					2.000	2.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng công trình
26	Đường DX.01 (đoạn từ giáp xã Châu Hưng đến giáp xã Lộc Thuận), xã Thời Lai					3.963	3.963		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng công trình





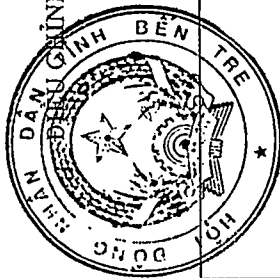
## PHỤ LỤC III

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019 KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2020  
TỪ NGUỒN THU XỐ SỔ KIẾN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAO THÔNG NÔNG THÔN (ĐỀ ÁN 3333)

(Kèm theo Nghị quyết số 14 /2020/NQ-HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019	Giải ngân KH vốn năm 2019 đến hết 31/01/2020	Số vốn kéo dài thời gian giải ngân KH vốn năm 2019 sang năm 2020	Dự kiến giải ngân kế hoạch vốn kéo dài đến 31/8/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2020			Ghi chú	
						Tổng số	Trong đó:			
							Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
<b>TỔNG CỘNG</b>		31.689	25.732	5.957	3.248	5.957	2.709	2.709	2.709	
<b>A THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>										
1	Đường ĐX.04 (đoạn từ ĐH.41 đến giáp lộ bờ Dừa), xã Hưng Khánh Trung A, Mỏ Cây Bắc	1.864	1.744	120					120	
2	Đường ĐX.04 (đoạn từ nhà ông Ba Phát đến công chào ấp Đông An, xã Hòa Lộc)	2.686	2.543	143	59	59			84	
3	Đường ĐX.04 (Lô láng nghề), xã An Hiệp (điểm đầu từ QL.57C - điểm cuối giáp ranh xã Tường Đa), Châu Thành	1.216	1.129	87					87	
4	Nâng cấp đường ĐX.02 (Đường Giồng Dại), xã Phú An Hòa (Đoạn giáp thị trấn Châu Thành đến giáp Lộ Ngang)	4.226	3.918	308	121	121			187	
5	Đường ĐX.03 (Đoạn từ chùa Vĩnh Thành đến giáp đường ĐA.02, ấp Phước Hậu)	797	749	48					48	
6	Đường ĐX.01 (Điểm đầu giáp xã Mỹ Thành - điểm cuối giáp xã An Hiệp).	2.518	2.338	180	112	112			68	
7	Đường ĐX.01 (Đoạn từ ngã 3 ấp Tiên Chánh đến bến đò Tiên Lợi)	1.519	1.410	109					109	
8	Đường ĐX.03 đường Lộ đất (Điểm đầu giáp QL.57C, điểm cuối giáp Công Cầu Mát)	1.158	1.075	83	52	52			31	
9	Đường ĐX.02 (điểm đầu giáp ĐX.01 - điểm cuối giáp đường Huỳnh Tấn Phát), xã An Hóa, Châu Thành	2.730	2.240	490	343	343			147	



TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019	Giải ngân KH vốn năm 2019 đến hết 31/01/2020	Số vốn kéo dài thời gian giải ngân KH vốn năm 2019 sang năm 2020	Dự kiến giải ngân kế hoạch vốn kéo dài đến 31/8/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2020			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:		
						Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	Đường DX.03 (đoạn từ ngã tư Tân Bắc đến nhà ông Lê Văn Tiến ấp Tân Bắc), xã Tân Phú	2.042	1.269	773	671	671		102	
11	Đường DX.05 (Từ ĐH.DK.04 đến ĐH.14)	894	731	163				163	
12	Đường DX.02 (Đoạn từ ĐH.DK.03 đến cầu Bến huyện)	2.089	1.701	388				388	
13	Đường DX.01 (Từ ĐH.12 đến DX.03)	569	208	361	313	313		48	
14	Đường DX.04 (từ ĐH.DK.05 đến Đường biển đối khí hậu)	1.402	1.070	332				332	
15	Đường DX.02 (Đường A2), đường từ ngã 3 Tỉnh Đới đi khu dân cư dự án 146,89 ha)	2.707	2.242	465	87	87		378	
16	Đường ấp Phong - DX.04	951	754	197				197	
17	Đường vào Trung tâm xã Bình Thạnh (DX.01)	2.321	611	1.710	1.490	1.490		220	
18	Đường DX.06 Đường liên xã Phú Đức -Phú Túc (Từ cầu Phú Long đến giáp cầu Mĩều T-ăng), xã Phú Đức					1.500		1.500	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để thanh toán khởi lượng công trình
19	Đường DX.03 (từ ĐH.DK.05 đến lộ An Đức), xã Tân Mỹ					700		700	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để thanh toán khởi lượng công trình
20	Đường DX.02 (Từ Quốc lộ 60 đến ranh xã Thành Thới A), xã Thành Thới B					509		509	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để thanh toán khởi lượng công trình